

## **I. PHẦN MỞ ĐẦU**

Giáo dục mầm non (GDMN) là cấp học đầu tiên trong hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng cho sự phát triển về thể chất, nhận thức, tình cảm xã hội và thẩm mỹ cho trẻ em. Những kỹ năng mà trẻ được tiếp thu qua chương trình chăm sóc GDMN sẽ là nền tảng cho việc học tập và thành công sau này của trẻ. Do vậy, phát triển GDMN, tăng cường khả năng sẵn sàng đi học cho trẻ là yếu tố quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Ngày nay, với yêu cầu ngày càng cao của xã hội, hệ thống trường lớp mầm non được mở rộng về quy mô và số lượng học sinh tăng nhanh. Trong khi đó thực trạng đội ngũ giáo viên hiện nay cũng nhiều bất cập về chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ. Một số giáo viên khi tổ chức các hoạt động cho trẻ cũng có những hạn chế nhất là chưa phát huy được tính tích cực sáng tạo ở trẻ. Năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề của giáo viên không đồng đều. Một số giáo viên mới tuyển dụng nên cũng ảnh hưởng đến việc nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ trong nhà trường.

Với trách nhiệm của một người cán bộ quản lý, tôi luôn trăn trở, suy nghĩ làm thế nào để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ được tốt. Đây là nhiệm vụ quan trọng và cần phải có sự nỗ lực phấn đấu, quyết tâm cao. Cần phải chú trọng công tác chuyên môn, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục (XHHGD), công tác nâng cao chất lượng giáo dục trẻ nhằm duy trì và phát triển chất lượng giáo dục trong nhà trường ngày càng đi lên đáp ứng với yêu cầu sự nghiệp GDMN.

Từ những vấn đề trên, với kinh nghiệm nhiều năm của bản thân trong công tác giảng dạy và quản lý. Tôi đã mạnh dạn đề xuất thực hiện đề tài: *“Một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ tại Trường Mầm non Hoa Hồng”*. Tôi rất mong những kinh nghiệm của bản thân sẽ giúp cho việc giáo dục trẻ mầm non ngày càng đạt hiệu quả của tốt hơn.

## **II. PHẦN NỘI DUNG**

**1. Thời gian thực hiện:** Từ tháng 9/2023 đến tháng 2/2024

**2. Đánh giá thực trạng:**

Trường MN Hoa Hồng nguyên là trường Mẫu giáo Sơn Hạ được thành lập theo Quyết định số 302/1999/QĐ-UB ngày 05 tháng 7 năm 1999 của UBND huyện Sơn Hạ cho đến ngày 23 tháng 02 năm 2017 được UBND huyện Sơn Hạ quyết định chuyển đổi tên trường Mẫu giáo Sơn Hạ thành trường Mầm non Hoa Hồng theo Quyết định số 148/QĐ-UBND; trường đóng tại thôn Trường Khay, xã Sơn Hạ, huyện Sơn Hạ, tỉnh Quảng Ngãi. Học sinh phần lớn là con em người dân tộc thiểu số (H'rê) nên đời sống kinh tế gặp nhiều khó khăn. Hiện nay, ngoài điểm chính, trường còn có một điểm trường nằm ở thôn Kà Tu. 100% trẻ được đảm bảo các điều kiện cơ bản để vui chơi, học tập. Trong những năm qua được sự quan tâm chỉ đạo của các cấp lãnh đạo Thường trực Huyện ủy – Hội đồng Nhân dân (HĐND) - Ủy ban Nhân dân (UBND) huyện Sơn Hạ, Lãnh đạo Phòng Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) huyện, Đảng Ủy - HĐND - UBND xã Sơn Hạ cùng với sự đồng lòng, đồng sức của Ban đại diện cha mẹ học sinh (CMHS), tập thể cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên (NV) đoàn kết có tinh thần trách nhiệm cao và kêu gọi sự hỗ trợ từ nhiều phía đầu tư xây dựng cho các cháu một môi trường học tập khá tốt, từ đó tỷ lệ huy động trẻ đến lớp luôn đạt tỷ lệ cao. Thời gian tới, nhà trường tiếp tục cố gắng hơn nữa để duy trì số lượng trẻ đến trường, tham mưu với các cấp lãnh đạo đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục, tạo được niềm tin cho phụ huynh yên tâm khi gửi con đến trường, lớp học.

Năm học 2023-2024, trường Mầm non Hoa Hồng có 28 viên chức. Cụ thể: CBQL: 03, GV: 19 và NV: 06 (01 y tế; 04 cấp dưỡng và 01 bảo vệ). Trong đó, biên chế 23 người; hợp đồng lao động: 05 người)

Năm học 2023-2024: Trường có 10 nhóm, lớp/ 2 điểm trường với 264 cháu, gồm:

- + Nhóm trẻ: 1 lớp = 20 cháu.
- + Mẫu giáo: + Lớp 3-4 tuổi: 02 lớp = 41 cháu,
- + Lớp 4-5 tuổi: 03 lớp = 87 cháu,

+ Lớp 5-6 tuổi: 04 lớp = 116 cháu.

100% trẻ đến trường được học 2 buổi/ngày và ăn bán trú tại trường.

Trường có 10 phòng học kiên cố; Khối phòng phục vụ học tập gồm: 01 phòng giáo dục (GD) nghệ thuật; 01 phòng GD thể chất; Khối phòng hành chính – quản trị gồm: 01 phòng Hiệu trưởng; 01 phòng Phó Hiệu trưởng; 01 phòng hành chính quản trị; Khối phụ trợ gồm: 01 phòng y tế; 01 Văn phòng trường; 01 phòng bảo vệ; 01 Bếp ăn; 02 khu vệ sinh cho viên chức và 01 nhà xe.

Môi trường học tập tại trường xanh – an toàn – thân thiện, có cây xanh tạo bóng mát, môi trường bên ngoài được quy hoạch các khu vực vui chơi, hoạt động, trải nghiệm cho trẻ đáp ứng điều kiện thực hiện đổi mới giáo dục trong giai đoạn mới.

a) *Kết quả đạt được:*

\* Để triển khai sáng kiến, ngay từ đầu năm học 2023 - 2024 tôi đã tiến hành khảo sát thực tế chất lượng giáo dục đầu năm tại đơn vị và có những số liệu như sau:

TT	Mục tiêu giáo dục	Số lượng	Kết quả khảo sát		Ghi chú
			Đạt (tỉ lệ%)	Chưa đạt (tỉ lệ%)	
<b>1</b>	<b>Nhóm 24 – 36 tháng</b>	<b>20</b>			
	Phát triển thể chất		5 (25%)	15 (75%)	
	Phát triển nhận thức		7 (35%)	13 (65%)	
	Phát triển ngôn ngữ		7 (35%)	13 (65%)	
	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		5 (25%)	15 (75%)	
<b>2</b>	<b>Lớp mẫu giáo 3 – 4 tuổi</b>	<b>41</b>			
	Phát triển thể chất		20 (48,8%)	21 (51,2%)	
	Phát triển nhận thức		15 (36,6%)	26 (63,4%)	
	Phát triển ngôn ngữ		16 (39%)	25 (81%)	
	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		15 (36,6%)	26 (63,4%)	
	Phát triển thẩm mỹ		16 (39%)	25 (81%)	
<b>3</b>	<b>Lớp mẫu giáo 4 – 5 tuổi</b>	<b>87</b>			
	Phát triển thể chất		40 (46%)	47 (54%)	
	Phát triển nhận thức		42 (48,3)	45 (51,7%)	
	Phát triển ngôn ngữ		38 (43,7%)	49 (56,3%)	

	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		42 (48,3)	45 (51,7%)	
	Phát triển thẩm mỹ		40 (46%)	47 (54%)	
<b>4</b>	<b>Lớp mẫu giáo 5 – 6 tuổi</b>	<b>116</b>			
	Phát triển thể chất		52 (44,8%)	64 (55,2%)	
	Phát triển nhận thức		49 (42,2%)	67 (57,8%)	
	Phát triển ngôn ngữ		55 (47,4%)	61 (52,6%)	
	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		52 (44,8%)	64 (55,2%)	
	Phát triển thẩm mỹ		49 (42,2%)	67 (57,8%)	

*b) Những mặt còn hạn chế.*

Thực tế đời sống của nhân dân có con em theo học tại trường mầm non nhìn chung còn thấp, số học sinh thuộc hộ nghèo tương đối đông. Các tổ chức kinh tế xã hội tham gia vào công tác XHHGD còn hạn chế, tiềm năng nguồn lực trong xã hội vẫn chưa được phát huy đầy đủ nên việc huy động các nguồn lực xã hội phát triển giáo dục hiệu quả chưa cao.

Chế độ tiền lương đối với nhà giáo tuy được quan tâm hơn trước, song mức độ đáp ứng của thu nhập (bao gồm lương và các khoản thu khác) về cơ bản là thấp hơn nhu cầu tối thiểu; sự thay đổi về lương, tăng lương chưa tương xứng với sự tăng nhanh của giá cả thị trường.

Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của viên chức vào công tác quản lý, giảng dạy còn hạn chế.

Từ thực trạng nêu trên bản thân tôi thật sự trăn trở, quyết tâm xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường, phấn đấu trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2 và công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1. Để thực hiện được mục tiêu đó, trường đã triển khai thực hiện kế hoạch huy động tối đa nguồn lực phát triển nhà trường trong 2 năm học: 2022 – 2023 và 2023 - 2024.

Căn cứ vào kế hoạch chiến lược, kế hoạch cụ thể và thực tiễn, Hiệu trưởng quyết định cơ cấu nhân lực và các nguồn lực khác. Để ra quyết định hiệu trưởng tổ chức các cuộc họp lấy ý kiến tham mưu của các bộ phận, CMHS; đồng thời tranh thủ ý kiến tư vấn của các chuyên gia, các nhà tài trợ, các nhà quản lý ngoài nhà trường.

Để nhận thức tốt nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả thì người CBQL cần nghiên cứu, nhận thức đúng đắn về mục tiêu, nắm vững chương trình chăm sóc giáo dục trẻ. Đồng thời phải nắm vững nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ. Bên cạnh đó phải có kế hoạch triển khai chỉ đạo cho giáo viên thực hiện chương trình và điều hành mọi công việc trong nhà trường làm cho các thành tố vận hành và liên kết với nhau một cách chặt chẽ mang lại chất lượng và hiệu quả, đạt được mục tiêu chăm sóc giáo dục trẻ.

*c) Nguyên nhân đạt được và nguyên nhân hạn chế*

\* Nguyên nhân đạt được:

- Một trong những yếu tố đóng vai trò quyết định nâng cao chất lượng dạy học là đội ngũ GV. Việc nhận thức của đội ngũ GV về đổi mới phương pháp dạy học ngày càng có nhiều sáng tạo. Đa số GV có kinh nghiệm, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao. Quá trình dạy học luôn gắn liền với việc sử dụng thành thạo các phương tiện và thiết bị dạy học.

- Cơ sở vật chất của trường thuận lợi, đầy đủ đảm bảo, an toàn, tạo sự hứng thú cho trẻ đến trường.

- Được sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp chuyên môn từ Phòng GD&ĐT Sơn Hà kịp thời.

- Tận dụng nguồn ngân sách nhà nước: tạo điều kiện quan tâm mua sắm nhu cầu phục vụ chuyên môn mua sắm thiết bị phục vụ dạy học.

- Nhà trường luôn chú trọng đến việc dự giờ, thăm lớp có góp ý cụ thể sau từng tiết dạy cho giáo viên là một biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường.

\* Nguyên nhân hạn chế:

- Về giáo viên: còn một số GV chưa thật sự tận tụy trong công tác giáo dục học sinh. Chưa biết cách kết hợp giữa giáo viên và phụ huynh trong việc tăng cường tiếng Việt cho các em.

- Chưa phát huy được khả năng tự học của học sinh. Các em chưa nhận thức được ý thức tự học cho bản thân. Giáo viên trong quá trình dạy học chưa

có kế hoạch phân nhóm học sinh theo đối tượng để có những phương pháp dạy học phù hợp.

- Về học sinh: Học sinh người dân tộc thiểu số chưa có ý thức về việc giao tiếp và học tập bằng tiếng Việt. Các em còn hiếu động, chưa nhiệt tình và lắng nghe cô dạy.

- Về phụ huynh: Việc quan tâm chăm sóc con em của một bộ phận phụ huynh học sinh chưa đáp ứng với nhu cầu ngày càng cao của thời đại. Phụ huynh học sinh chưa nắm rõ quan điểm giáo dục hiện nay, thái độ phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục trẻ thường xuyên.

### **III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

#### **1. Căn cứ thực hiện**

- Thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW của BCH Trung ương “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”.

- Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và Đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

- Triển khai theo Luật Giáo dục năm 2019 đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý GDMN, trong đó tập trung vào: Nghị định số [105/2020/NĐ-CP](#) ngày 08/9/2020 của Chính phủ Quy định chính sách phát triển GDMN;

- Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGD&ĐT ngày 25/7/2009 của Bộ trưởng GD&ĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo

- Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 /01/ 2022 của Chính phủ Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GD&ĐT giai đoạn

2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Quyết định số 1282/QĐ-BGDĐT ngày 10/5/2022 ban hành Kế hoạch tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025 của Bộ GDĐT.

- Nghị quyết đại hội Đảng bộ huyện Sơn Hà lần thứ XXIV, nhiệm kỳ 2020 -2025

- Công văn số 229/PGD&ĐT ngày 29 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Giáo dục mầm non năm học 2023 - 2024;

- Quyết định 58/QĐ-PGD&ĐT ngày 03/9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Sơn Hà về việc ban hành Kế hoạch công tác năm học 2023-2024

- Kế hoạch số 07a/KH-MNHH ngày 03/9/2023 của trường Mầm non Hoa Hồng về kế hoạch năm học 2023 - 2024

- Thực trạng nâng cao chất lượng giáo dục cho trẻ tại Trường Mầm non Hoa Hồng.

## **2. Nội dung, giải pháp và cách thức thực hiện**

### *a) Nội dung, phương pháp thực hiện:*

#### \* Nội dung:

- Xây dựng kế hoạch chuyên môn.
- Thành lập tổ chuyên môn và xây dựng kế hoạch nghiên cứu.
- Chỉ đạo tích cực việc thực hiện: "Dạy thật - Học thật - Kết quả thật".
- Đánh giá kết quả thực hiện sau mỗi chủ đề.
- Chỉ đạo chất lượng.
- Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học.
- Ứng dụng CNTT trong chỉ đạo giảng dạy để nâng cao chất lượng cho trẻ.
- Phối, kết hợp với gia đình, cộng đồng để giáo dục trẻ.

#### \* Phương pháp thực hiện:

- Nghiên cứu tài liệu.

- Phương pháp đàm thoại.
- Phương pháp đánh giá và so sánh.
- Phương pháp trực quan.
- Phương pháp thực hành.
- Phương pháp kiểm tra.

*b) Giải pháp thực hiện:*

\* Giải pháp 1: Xây dựng kế hoạch chuyên môn.

- Dựa vào kế hoạch nhiệm vụ năm học của ngành, Hiệu trưởng để xây dựng kế hoạch chuyên môn cụ thể, sát với tình hình của trường.

- Xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch học kỳ, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần, xây dựng chế độ sinh hoạt, chương trình dạy cho các khối lớp phù hợp. Chỉ đạo GVCN các nhóm/lớp xây dựng kế hoạch hoạt động cho các lớp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và phải phù hợp với trình độ nhận thức của trẻ, kế hoạch được nhà trường phê duyệt mới thực hiện. Hàng tháng giáo viên báo cáo kế hoạch, lịch dạy của lớp cho nhà trường. Qua đó Ban giám hiệu dễ theo dõi, kiểm tra và có biện pháp chỉ đạo tốt hơn.

\* Giải pháp 2: Thành lập tổ chuyên môn và xây dựng kế hoạch nghiên cứu.

- Thành lập tổ chuyên môn.

Tổ chuyên môn trong trường tôi hiện tại gồm có 2 đồng chí đại diện cho các khối (lá, chồi, mầm và nhóm trẻ) và là lực lượng nòng cốt. Vì vậy, cần chọn giáo viên có trình độ đạt chuẩn, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín đối với đồng nghiệp, có năng lực sư phạm tốt để chỉ đạo phân công cho giáo viên. Xây dựng kế hoạch hoạt động từng tháng, tuần, ngày. Hàng tháng sinh hoạt 01 lần tạo nề nếp trong sinh hoạt, có đánh giá kết quả và kế hoạch tiếp nối.

- Xây dựng kế hoạch nghiên cứu.

Sau khi được tiếp thu chuyên đề do ngành tổ chức, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai chuyên đề cho toàn thể cán bộ giáo viên học tập với các nội dung bài dạy đa dạng, phong phú theo từng chủ đề. Tất cả cán bộ giáo



viên phải nắm vững mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của nội dung chương trình GDMN. Việc bồi dưỡng cho giáo viên đây là một định hướng giúp giáo viên nắm được kiến thức mới trong việc nâng cao chất lượng cho trẻ và đưa ra kết quả tốt nhất.

Dựa trên vốn kiến thức GV nắm được qua chuyên đề, qua chương trình tự học BDTX, nhà trường tiến hành tổ chức kiểm tra chuyên đề bằng cách dự giờ, thao giảng, thi giáo viên dạy giỏi các cấp. Tất cả đều thực hiện theo chương trình GDMN, các hoạt động chuyên đề, thao giảng được BGH nhà trường đầu tư chặt chẽ về nội dung, hình thức, phương pháp dạy. Sau mỗi hoạt động dự giờ, thao giảng nhà trường tổ chức góp ý rút kinh nghiệm tiết dạy. Từ đó, công tác bồi dưỡng chuyên đề đó giúp GV năng động, sáng tạo hơn và biết đầu tư suy nghĩ cách thức tổ chức dạy học trong quá trình hoạt động giảng dạy.

\* Giải pháp 3: Chỉ đạo tích cực việc thực hiện: “Dạy thật - Học thật - Kết quả thật”

Nâng cao chất lượng giáo dục trẻ, vấn đề đầu tiên đó là kết quả việc giáo dục. Bởi vậy, tích cực hướng dẫn việc tổ chức dạy học có nề nếp là việc làm thường xuyên. Chính vì vậy, mỗi giáo viên cần nghiêm túc thực hiện kế hoạch giáo dục trẻ, tổ chức đầy đủ các hoạt động trong ngày như: hoạt động chung, hoạt động góc, hoạt động ngoài trời, hoạt động chiều. Giáo án soạn đầy đủ, có chất lượng, đúng nội dung, yêu cầu về kiến thức, kỹ năng phát triển ngôn ngữ, trí tuệ, đạo đức, thẩm mỹ cho trẻ. Biết lựa chọn, vận dụng phương pháp giáo dục tích cực tạo tình huống, cơ hội nhằm phát huy trí tuệ, tính sáng tạo của trẻ. Tạo môi trường giáo dục phù hợp với chủ đề, kích thích trẻ tìm tòi, khám phá, tìm ra cái mới, thể hiện sự hiểu biết của trẻ trong cuộc sống hàng ngày.

- Trẻ tích cực, hứng thú, tự nguyện tham gia vào các hoạt động giáo dục trẻ tạo ra sản phẩm, tìm tòi khám phá, giáo viên tuyệt đối không làm thay, vẽ thay cho trẻ. Nếu thấy trẻ không làm được cô có thể dùng lời hướng dẫn gợi ý để trẻ hiểu và thực hành. Giáo viên hình thành và rèn luyện tính tự lập, không

ỷ lại vào người khác để cho trẻ có thao tác đúng và thuần thục một số thói quen về nề nếp học tập.

- Giáo viên luôn theo dõi sự phát triển, nhận thức của trẻ trên các lĩnh vực phát triển như: phát triển nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, thẩm mỹ và phát triển thể lực. Qua đó cần đánh giá kết quả của trẻ đúng thực chất, khách quan, công bằng, tôn trọng sản phẩm của trẻ. Vì thế người giáo viên muốn có kết quả thật thì phải biết thực hiện tốt phương pháp dạy học tích cực, biết tạo mọi cơ hội để ôn luyện thêm kiến thức cho trẻ vào các thời điểm trong ngày. Bởi trẻ mầm non dễ quên nên hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ. “Học mà chơi, chơi mà học” là kết quả tốt nhất vì trong quá trình chơi giúp trẻ ôn luyện kiến thức mà trẻ đã được trải nghiệm, được khám phá.

Vì vậy, việc nâng cao chất lượng giáo dục trẻ tốt góp một phần vào việc thực hiện tốt cuộc vận động “Hai không”. Đưa chất lượng giáo dục trẻ ngang tầm với yêu cầu giáo dục trong thời kỳ đổi mới.

\* Giải pháp 4: Đánh giá kết quả thực hiện sau mỗi chủ đề.

Sau khi kết thúc một chủ đề giáo viên chủ nhiệm nhận xét, đánh giá các công việc đã làm trong thời gian qua và rút kinh nghiệm xem xét những việc cần bổ sung, chỉnh sửa cho chủ đề sắp tới. Đây là một việc làm cần thiết giúp giáo viên có được những bài học bổ ích để có những cải tiến hoặc điều chỉnh các hoạt động tiếp theo đạt kết quả hơn.

Ví dụ: Trong chủ đề: Gia đình; giáo viên xây dựng mục tiêu phát triển 5 lĩnh vực cho trẻ quá cao so với trình độ nhận thức của trẻ tại địa phương, đặc biệt là mục tiêu phát triển về mặt nhận thức. Yêu cầu GV nghiên cứu hạ thấp xuống trong nội dung chủ đề sắp tới.

Quá trình đánh giá liên quan tới hai đối tượng đó là trẻ và giáo viên.

- Giáo viên đánh giá trẻ và tự đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục của mình nhằm điều chỉnh phù hợp, kịp thời các hoạt động giáo dục tiếp theo để đạt hiệu quả tốt hơn. Ví dụ: Điều chỉnh về nội dung, cách thức, phương

tiện hoặc thậm chí điều chỉnh cả những mục đích, mục tiêu ban đầu cho phù hợp với tình hình thực tế.

- CBQL và đồng nghiệp đánh giá việc tổ chức các hoạt động giáo dục của giáo viên nhằm hỗ trợ giáo viên về chuyên môn, nghiệp vụ và điều chỉnh chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình trong thời gian tới đạt kết quả tốt hơn.

\* Giải pháp 5. Chỉ đạo chất lượng.

Việc thực hiện phân loại giáo viên để có kế hoạch bồi dưỡng thích hợp đối với những giáo viên có tay nghề còn yếu, giáo viên mới tuyển trong năm cần chú trọng bồi dưỡng thêm phương pháp dạy, cách tổ chức hoạt động giáo dục.

Ví dụ: Tổ chức thao giảng, dự giờ dạy tốt; bồi dưỡng công tác tự học tập của giáo viên.

Đối với giáo viên khá - tốt, bồi dưỡng năng lực sư phạm, kỹ năng, tác phong, sự sáng tạo linh hoạt cho giáo viên.

- Bên cạnh đó cần xây dựng tổ chức tốt các Hội thi “Dạy tốt - Học tốt”. Vì vậy nhà trường phải có kế hoạch chỉ đạo thực hiện một cách nghiêm túc và khoa học. Trong năm qua trường đã tổ chức tốt các Hội thi như: thi làm đồ dùng dạy học, thi giáo viên dạy giỏi cấp trường và tham gia dự thi cấp huyện. Qua mỗi hội thi đó rút ra được nhiều kinh nghiệm về nâng cao chất lượng giáo dục và là dịp để giáo viên, các cháu thể hiện những tài năng của mình và có sự học hỏi lẫn nhau; năng lực sư phạm được nâng lên rõ rệt.

- Việc chỉ đạo lớp điểm cũng là một trong những việc làm rất quan trọng và đây là đòn bẩy phong trào, là cơ sở để nâng cao năng lực chuyên môn và chất lượng giáo dục toàn diện cho trẻ. Từ đó để nhân điển hình ra diện rộng về chất lượng giáo dục trong toàn trường.

- Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi: Đối với trẻ, đồ chơi là công cụ quan trọng không thể thiếu được. Hoạt động vui chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ, đối với việc học mà chơi, chơi mà học giúp cho trẻ nắm

được những kiến thức cơ bản, ôn luyện củng cố kiến thức cho trẻ qua hoạt động vui chơi.

Mỗi giáo viên là một cộng tác viên tham gia với BGH, các bậc cha mẹ học sinh để mua sắm và tận dụng các nguyên vật liệu đó qua sử dụng để sáng tạo ra những đồ dùng nhằm phục vụ cho các hoạt động như: lon bia, chai nước, hộp sữa, xốp, lịch cũ... Đặc biệt là tranh ảnh sáng tạo thì mỗi hoạt động sẽ sinh động hơn và được trẻ yêu thích hơn như: tranh ảnh, mô hình, con vật... Vì vậy, việc phát động phong trào tự làm đồ dùng, đồ chơi là một việc làm thường xuyên, một năm mỗi giáo viên làm 1- 2 đồ dùng có chất lượng tham gia dự thi đồ dùng, đồ chơi cấp trường. Do đó, số lượng đồ chơi, đồ dùng đã được tăng lên.

**\* Giải pháp 6: Tăng cường công tác kiểm tra nội bộ trường học**

Kiểm tra là một việc làm thường xuyên, kiểm tra bằng nhiều hình thức, kiểm tra toàn diện, chuyên đề, kiểm tra theo định kỳ, kiểm tra đột xuất. Từ đầu năm đến thời điểm hiện tại tại nhà trường đó kiểm tra toàn diện được 70% giáo viên; kiểm tra chuyên đề mỗi giáo viên kiểm tra 2 lần/năm.

Việc kiểm tra đột xuất một số nội dung: Kiểm tra việc thực hiện chương trình, hồ sơ giáo viên, thực hiện chế độ sinh hoạt, việc đánh giá chất lượng. Kiểm tra kỹ năng của trẻ như vở tập tô, bộ làm quen với toán, tạo hình...

**\* Giải pháp 7: Ứng dụng CNTT trong chỉ đạo giảng dạy để nâng cao chất lượng cho trẻ.**

Hoạt động chung là thời điểm quan trọng nhất trong một ngày sinh hoạt của trẻ ở trường, tôi chỉ đạo GV cần tạo ra những hoạt động học mà chơi, chơi mà học đồng thời “lấy trẻ làm trung tâm” trong mọi hoạt động. Muốn trẻ thực hiện các hoạt động tốt ta cần ứng dụng công nghệ thông tin vào trong các hoạt động, điều kiện đầu tiên phải có cô giáo sử dụng máy tính thành thạo vẫn chưa đủ mà còn phải biết thiết kế giáo án điện tử cho các hoạt động học, biết tìm các tư liệu giáo dục trên mạng để vận dụng những hình ảnh sống động đưa vào giáo án, để trình chiếu có hiệu quả, nhưng cũng không lạm dụng công nghệ đưa hình

ảnh phụ nhiều để trẻ không tập trung vào nội dung chính của bài. Vì vậy, giờ hoạt động này tôi sử dụng rất nhiều hình thức khác nhau để gây hứng thú cho trẻ, giúp trẻ nhanh chóng hiểu, nhận biết, khám phá...Hiểu được điều này tôi đã chỉ đạo giáo viên cụ thể các hoạt động sau:

- Ứng dụng công nghệ thông tin qua Lĩnh vực phát triển thể chất

Việc luyện tập cho trẻ tập thể dục hằng ngày là một hoạt động hết sức bổ ích, việc tập các bài thể dục sao cho trẻ tham gia tích cực hứng thú và đạt hiệu quả là vô cùng thiết yếu. Vì thể dục không những giúp trẻ phát triển thể chất mà còn giúp trẻ phát triển trí tuệ và thẩm mỹ. Việc lồng ghép âm nhạc vào các bài tập thể dục đã kích thích được niềm hăng say khi luyện tập.

- Ứng dụng công nghệ thông tin qua Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ

Với mục đích giáo dục âm nhạc cho trẻ nhằm cung cấp cho trẻ những kiến thức ban đầu về âm nhạc, sự uyên chuyên, nhịp nhàng của âm nhạc, dạy trẻ kỹ năng lắng tai nghe, hát đúng theo nhạc, vận động tốt hơn theo nhạc. Trước thực tế đó, khi dạy âm nhạc cho trẻ cô cần sưu tầm các băng đĩa, cắt những đoạn phim cần minh họa cho nội dung bài hát. Tạo các hình ảnh, slide nội dung bài hát hoặc âm thanh các nhạc cụ... cho trẻ chọn để tổ chức các “Trò chơi âm nhạc”. Từ đó trẻ thích học âm nhạc và đạt kết quả cao hơn.

Việc sử dụng đồ dùng trực quan trên máy vi tính mang lại cho trẻ hứng thú và kích thích trẻ tham gia vào hoạt động hơn nữa bởi trên máy vi tính các hình ảnh xuất hiện và mất đi hay kèm theo các hiệu ứng mới lạ hấp dẫn theo ý muốn của giáo viên, trẻ sẽ tập trung sự chú ý trước những điều mới lạ, tiết học sẽ càng đạt hiệu quả hơn. Qua thực tiễn, tôi thấy hình thức cho trẻ tiếp cận với máy vi tính và ứng dụng công nghệ thông tin vào trong giờ hoạt động tạo hình, hình thức rất cơ bản giúp người giáo viên đạt được mục đích của giờ hoạt động.

- Ứng dụng công nghệ thông tin qua Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

Ngày nay, việc giảng dạy và ứng dụng CNTT trong giảng dạy không còn là điều mới mẻ với chúng ta. Với việc ứng dụng CNTT cho trẻ làm quen với văn học rất có ích cho cô và mang lại hiệu quả trên trẻ.

Hiện nay, với việc thực hiện chương trình mầm non, khi thực hiện chương trình có nhiều bài thơ, truyện kể không có tranh ảnh trong chương trình cũ. Chúng ta có thể truy cập vào mạng để tìm bài thơ, truyện kể phù hợp với kế hoạch từng chủ đề.

Tôi nhận thấy bên cạnh những tập tranh minh hoạ có sẵn, chúng ta có thể đưa CNTT vào để làm phim động minh hoạ cho các bài thơ để phát triển sự tư duy sáng tạo ở trẻ. Có như vậy trẻ mới tập trung chú ý đọc thơ, kể chuyện và giáo viên cũng chủ động, linh hoạt hơn trong khi dạy thơ, kể chuyện cho trẻ.

Khi cho trẻ làm quen với chữ cái tôi cho trẻ chơi trò chơi “ô số bí mật” mời trẻ lên nháy chuột vào ô số mình chọn, khi ô số được mở trẻ sẽ phải trả lời câu hỏi về chữ cái vừa được mở, hay trò chơi “Chữ cái nào biến mất” cô cũng cho trẻ thực hiện một số thao tác để trẻ đọc tên chữ cái biến mất trong nhiều chữ cái khác. Từ những trò chơi đó nhằm củng cố cho trẻ về cách phát âm và đặc điểm của những chữ cái đã được làm quen. Việc ứng dụng công nghệ tin học vào tổ chức hoạt động làm quen với chữ cái cho trẻ mầm non nhằm tạo một môi trường, lớp học thân thiện mới lạ, phong phú, bắt mắt thu hút trẻ, kích thích trẻ tích cực hoạt động, ham học hỏi, tìm tòi khám phá để trẻ phát triển toàn diện tạo cơ sở bước đầu vững chắc cho tương lai của trẻ.

- Ứng dụng công nghệ thông tin qua Lĩnh vực phát triển nhận thức

Môi trường xung quanh đối với trẻ vô cùng rộng lớn khó hiểu, trẻ lại rất tò mò, hiếu động, trẻ luôn đặt ra vô vàn câu hỏi: Nó là cái gì ?; Nó như thế nào, Vì sao nó lại như vậy?... Do vậy, việc tổ chức cho trẻ khám phá môi trường xung quanh cần được linh hoạt, hệ thống, khoa học, với những màu sắc sặc sỡ, hình ảnh rõ nét, âm thanh “thật” thì sẽ giúp trẻ lĩnh hội kiến thức một cách nhẹ nhàng, trẻ thoải mái được mọi thắc mắc của mình. Trên thực tế có nhiều hoạt động cho trẻ làm quen với môi trường xung quanh, giáo viên không thể có đủ điều kiện để cho trẻ được cầm, nắm hay quan sát trực tiếp.

Khi thực hiện cho trẻ làm quen với toán, điều tôi băn khoăn nhất là làm thế nào để trẻ hiểu và biết cách lập số, tạo nhóm số lượng tương ứng với chữ

số, so sánh các nhóm đồ dùng, ...theo yêu cầu của cô. Nếu đơn giản chỉ là giải thích bằng lời nói thì trẻ sẽ không hiểu và không nắm bắt được yêu cầu và kết quả cũng đạt được không cao. Trước yêu cầu đó, tôi đã ứng dụng CNTT và đưa vào thực tiễn giảng dạy. Để trẻ nắm bắt được nội dung bài giáo viên có thể tạo các nhóm số lượng trên máy kết hợp với hình ảnh phong phú, đa dạng và âm thanh minh họa cho trẻ nghe và đếm, bấm số tương ứng.... Tạo các hình học; Trò chơi ứng dụng: Sắp xếp các nhóm số lượng, thêm bớt, cộng trừ, ....Sử dụng đĩa Kidsmart về ngôi nhà toán học của Millie

Như vậy, cho trẻ tiếp cận với thông tin và ứng dụng thông tin qua giờ hoạt động chung cũng là hình thức rất cơ bản để giúp trẻ nắm được những kỹ năng cần thiết khi thực hiện nhiệm vụ.

Từ việc ứng dụng trên tôi không chỉ sử dụng cho riêng mình mà tôi còn sao chép những tư liệu cho các chị em đồng nghiệp, để các chị em nào có máy vi tính có thể ứng dụng trong tiết dạy và làm tư liệu về sau nhằm đạt kết quả trên trẻ theo như mong đợi.

\* Giải pháp 8: Phối kết hợp với gia đình, cộng đồng để giáo dục trẻ

Đối với trẻ mầm non việc thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học, chăm sóc, nuôi dạy các cháu góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Bởi vậy trường tổ chức phối kết hợp với phụ huynh qua các cuộc họp phụ huynh toàn trường, qua hội phụ nữ thôn buôn, đoàn thanh niên, qua các góc tuyên truyền những điều cha mẹ cần biết nhằm giúp cho phụ huynh nắm được một số kiến thức giáo dục, rèn luyện cho trẻ có thói quen, hành vi văn minh trong giao tiếp, biết yêu thương quý trọng cô giáo, bố mẹ, người lớn. Có thói quen nề nếp trong học tập, trong các hoạt động, từ đó chất lượng giáo dục được tăng lên, trẻ nắm vững các kiến thức, kỹ năng, trả lời nhanh, mạnh dạn, tự tin.

#### **IV. PHẦN KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

##### **1. Kết quả đạt được.**

Với sự cố gắng của bản thân cùng với sự giúp đỡ của lãnh đạo và đồng nghiệp trong khi thực hiện đề tài bản thân tôi đã thu được những kết quả như sau:

*a) Về bản thân:*

- Qua quá trình nghiên cứu nắm bắt được đặc điểm giáo dục cho trẻ trẻ mầm non tại vùng dân tộc thiểu số.

- Chỉ đạo giáo viên thực hiện được nhiều hình thức giảng dạy linh hoạt nhằm mở rộng tiếng Việt cho trẻ. Bản thân có thêm những kinh nghiệm trong chỉ đạo nâng cao chất lượng cho trẻ dân tộc thiểu số, luôn được đồng nghiệp đánh giá cao trong việc sáng tạo linh hoạt trong công tác chuyên môn

- Tìm ra được một số biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục trẻ tại đơn vị.

- Nâng cao phương pháp quản lý, chỉ đạo chuyên môn trong nhà trường.

- Khuyến khích được giáo viên đổi mới phương pháp dạy và học.

- Giúp chất lượng giáo dục trong nhà trường từng bước đạt chỉ tiêu đề ra và nâng dần chất lượng trong các năm học tiếp theo.

*b) Đối với trẻ:*

- Chất lượng các lĩnh vực phát triển giáo dục cũng tăng cao thể hiện ở bảng sau:

TT	Mục tiêu giáo dục	Số lượng	Kết quả khảo sát		Ghi chú
			Đạt (tỉ lệ%)	Chưa đạt (tỉ lệ%)	
<b>1</b>	<b>Nhóm 24 – 36 tháng</b>	<b>20</b>			
	Phát triển thể chất		20 (100%)	0	
	Phát triển nhận thức		18 (90%)	02 (10%)	
	Phát triển ngôn ngữ		18 (90%)	02 (10%)	
	Phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ		18 (90%)	02 (10%)	
<b>2</b>	<b>Lớp MG 3 – 4 tuổi</b>	<b>41</b>			
	Phát triển thể chất		39 (95,1%)	02 (4,9%)	
	Phát triển nhận thức		38 (92,7%)	03 (7,3%)	
	Phát triển ngôn ngữ		38 (92,7%)	03 (7,3%)	
	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		38 (92,7%)	03 (7,3%)	
	Phát triển thẩm mỹ		38 (92,7%)	03 (7,3%)	



<b>3</b>	<b>Lớp MG 4 – 5 tuổi</b>	<b>87</b>			
	Phát triển thể chất		87 (100%)	0	
	Phát triển nhận thức		86 (98,9%)	01 (1,1%)	
	Phát triển ngôn ngữ		85 (97,8%)	02 (2,2%)	
	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		85 (97,8%)	02 (2,2%)	
	Phát triển thẩm mỹ		86 (98,9%)	01 (1,1%)	
<b>4</b>	<b>Lớp MG 5 – 6 tuổi</b>	<b>116</b>			
	Phát triển thể chất		116 (100%)	0	
	Phát triển nhận thức		116 (100%)	0	
	Phát triển ngôn ngữ		116 (100%)	0	
	Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		116 (100%)	0	
	Phát triển thẩm mỹ		116 (100%)	0	

Bằng sự sáng tạo kết hợp với việc sử dụng hợp lý nguồn nhân lực các biện pháp trong quá trình chỉ đạo công tác chuyên môn đã mang lại kết quả tương đối khả quan. Giúp chất lượng giáo dục trong nhà trường ngày càng tốt hơn.

Giúp giáo viên biết có thể trao đổi, nâng cao tay nghề chuyên môn.

## **2. Phạm vi áp dụng, nhân rộng của sáng kiến**

Sáng kiến kinh nghiệm của tôi trình bày dựa trên những cơ sở trong thực tế chỉ đạo giảng dạy ở Trường MN Hoa Hồng và có thể áp dụng ở tất cả các đơn vị bạn.

Đề tài này được thực hiện dựa trên cơ sở thực tế công tác của bản thân và có sử dụng một số tư liệu, sách tham khảo. Trong quá trình viết không tránh những thiếu sót, rất mong được hội đồng đánh giá và đồng nghiệp góp ý để sáng kiến hoàn thiện hơn. Tôi xin chân thành cảm ơn.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TTBGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Trưởng Giáo dục và Đào tạo) Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
2. Đinh Hồng Thái “Giáo trình phương pháp phát triển lời nói trẻ em”
3. PTS Trần Thị Trọng “Chương trình chăm sóc giáo dục trẻ từ 3- 36 tháng tuổi ở nhà trẻ”, Nhà xuất bản Hà Nội
4. Từ điển Tiếng Việt (1990), Nhà xuất bản Hà Nội.
5. Hoàng Kiếm (2002). Một số đề nghị đổi mới phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin. Báo cáo khoa học ĐHQG-HCM, tháng 11/2002
6. BGD&ĐT – Hoạt động NGLL – SGV - NXB Giáo dục 2003.
7. Chương trình giáo dục mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TTBGDDT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ Trưởng Giáo dục và Đào tạo), Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam
8. Đặng Văn Đức - Nguyễn Thu Hằng (1998), *Phương pháp dạy học theo hướng tích cực*, Nxb Giáo dục.

**TỔ CHUYÊN MÔN THẨM ĐỊNH**

A series of horizontal dotted lines intended for writing or printing.



